

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân

Ông Đỗ Văn Cứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh; tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 717/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ánh N, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 15, hẻm 385, đường Trần Văn T, ấp G, xã M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. “Có đơn vắng mặt”

Bị đơn: Anh Phan Văn V, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 14, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Lê Thị Ánh N trình bày:*

Chị và Anh Phan Văn V chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân do Anh V đi làm tiêu xài cá nhân, chị tự làm

nuôi con. Không những không phụ chi nuôi con mà Anh V thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần đổ nợ chi phải trả thay. Chi khuyên Anh V thay đổi để hàn gắn gia đình nhưng Anh V không thuyên giảm còn chửi bới, đánh đập chi. Từ khi ly thân chi sống tại nhà cha mẹ ruột tại thành phố T, còn Anh V về nhà cha mẹ ruột tại huyện C ở một thời gian rồi bỏ đi đâu không rõ. Chi liên hệ gia đình chồng để hòa giải thì được biết thỉnh thoảng Anh V có về nhà thăm mẹ nhưng không nói hiện nay ở đâu, không chịu gặp chi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chi yêu cầu ly hôn với Anh V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Lê Yến V, sinh ngày 25/8/2005 và Phan Lê Yến L, sinh ngày 17/9/2008. Chi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Phan Văn V không đến Tòa án làm việc và không gửi cho Tòa án biên bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, xử cho chị được ly hôn với Anh V. Về con chung giao 02 con chung cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng, Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu. Về tài sản không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, về nợ chung: Chị N khai không có. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị N, Anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị N, Anh V tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ nhau về vấn đề tiền bạc, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh V đi làm nhưng không đưa tiền phụ Chị N chăm lo gia đình mà tiêu xài cá nhân, ăn chơi dẫn đến nợ nần. Anh chị ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn, Anh V đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày, từ bỏ quyền phản bác và chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có căn cứ về việc Anh V vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của Chị N, xử cho chị được ly hôn với Anh V là phù hợp tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Phan Lê Yến V, sinh ngày 25/8/2005 và Phan Lê Yến L, sinh ngày 17/9/2008. Ly hôn Chị N yêu cầu nuôi hai con chung không yêu cầu Anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về con chung thì thấy rằng từ khi ly thân đến nay cháu V và cháu L sống với Chị N, Chị N có công việc, thu nhập ổn định, qua lấy lời khai cháu V và cháu L có nguyện vọng sống chung với Chị N, còn Anh V không quan tâm chăm sóc con. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận yêu cầu của Chị N giao cháu V và cháu L cho Chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận Chị N không yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Ánh N, xử cho Chị Lê Thị Ánh N được ly hôn với Anh Phan Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê Yến V, sinh ngày 25/8/2005 và Phan Lê Yến L, sinh ngày 17/9/2008 cho Chị Lê Thị Ánh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận Chị N không yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007719 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hưởng

